Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5911.32.00

Mã HS	5911.32.00
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm và mặt hàng dệt, phục vụ cho mục đích kỹ thuật, đã nêu tại Chú giải 8 của Chương này / - Vải dệt và phớt, được dệt vòng liền hoặc kèm theo cơ cấu nối ráp, dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các máy tương tự (ví dụ, để chế biến bột giấy hoặc xi măng amiăng): / - - Định lượng từ 650 g/m2 trở lên
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	03/11/2026 07:57:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/59113200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9058
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9058
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9058
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8645
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8600
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8600
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8600
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8600
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8600
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8600
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8650
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8650
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8650
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8650

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8650
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8650
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8651
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8651
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8651
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8651
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8651
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8651
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8652
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8606
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F8612
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G8612
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H8612
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I8612
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J8612
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K8612
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8635
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8635
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8635
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8635
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8635
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8635
VCFTA	2022	2022	0	VC!D8682
VCFTA	2023	2023	0	VC!E8682
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8682
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8682

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8682
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8682
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8662
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8662
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8662
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8662
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8662
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8662
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D8675
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E8675
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F8675
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G8675
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H8675
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8675
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8679
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8679
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8679
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8679
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8679
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8679
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8678
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8678
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8678
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8678
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8678
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8678

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8630
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8630
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8630
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8630
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8630
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8630
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8630
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8667
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8667
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8667
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8667
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8667
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8667
RCEP B	2022	2022	0	B!D8667
RCEP B	2023	2023	0	B!E8667
RCEP B	2024	2024	0	B!F8667
RCEP B	2025	2025	0	B!G8667
RCEP B	2026	2026	0	B!H8667
RCEP B	2027	2027	0	B!I8667
RCEP C	2022	2022	0	C!D8667
RCEP C	2023	2023	0	C!E8667
RCEP C	2024	2024	0	C!F8667
RCEP C	2025	2025	0	C!G8667
RCEP C	2026	2026	0	C!H8667
RCEP C	2027	2027	0	C!I8667
RCEP D	2022	2022	0	D!D8666

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E8666
RCEP D	2024	2024	0	D!F8666
RCEP D	2025	2025	0	D!G8666
RCEP D	2026	2026	0	D!H8666
RCEP D	2027	2027	0	D!I8666
RCEP E	2022	2022	0	E!D8670
RCEP E	2023	2023	0	E!E8670
RCEP E	2024	2024	0	E!F8670
RCEP E	2025	2025	0	E!G8670
RCEP E	2026	2026	0	E!H8670
RCEP E	2027	2027	0	E!I8670
RCEP F	2022	2022	0	F!D8667
RCEP F	2023	2023	0	F!E8667
RCEP F	2024	2024	0	F!F8667
RCEP F	2025	2025	0	F!G8667
RCEP F	2026	2026	0	F!H8667
RCEP F	2027	2027	0	F!I8667
VIFTA	2024	2024	0	VI!F8000
VIFTA	2025	2025	0	VI!G8000
VIFTA	2026	2026	0	VI!H8000
VIFTA	2027	2027	0	VI!I8000

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5911.32.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 5911.32.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9058), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.